



14/12/21

**DAILY** MORNING

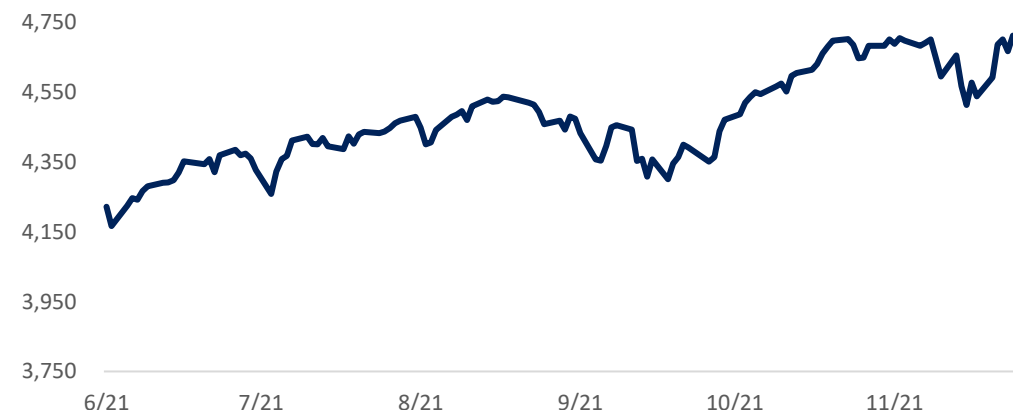
Kiểm tra vùng  
1470-1480 điểm



|                   | 14/12    | % Sáng<br>14/12 | 13/12    | % Ngày<br>13/12 | % Tuần | % Tháng |
|-------------------|----------|-----------------|----------|-----------------|--------|---------|
| VN INDEX          |          |                 | 1,476.21 | 0.87%           | 4.43%  | 0.95%   |
| S&P 500           |          |                 | 4,668.97 | -0.91%          | 1.68%  | 0.48%   |
| S&P500<br>Futures | 4,668.00 | 0.18%           | 4,659.50 | -0.94%          | -0.22% | 0.68%   |
| Shanghai          |          |                 | 3,681.08 | 0.40%           | 2.56%  | 4.20%   |
| Euro Stoxx        |          |                 | 4,183.04 | -0.38%          | 1.11%  | -4.01%  |

| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | PTKT                                                                                                                                                                                                            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Sản lượng hàng hóa tại các cảng của Vương quốc Anh đang sụt giảm ở thấp nhất kể từ năm 1983, hàng hóa thương mại giao dịch tại các cảng của Anh dự kiến đạt khoảng 408 triệu tấn trong năm nay, giảm 13,5% so với năm 2019.</li> <li>Phó Thủ tướng Hàn Quốc Hong Nam Ki thông báo về việc xin gia nhập Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) trong cuộc họp các bộ trưởng nội các bàn về các vấn đề kinh tế đối ngoại hôm qua, nhằm nỗ lực mở rộng các hiệp định tự do thương mại (FTA) tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương.</li> </ul> | <p><b>S&amp;P 500</b></p> <p>Xu hướng Tăng<br/>Kháng cự 4500<br/>Hỗ trợ 4000<br/>Điểm PTKT TÍCH CỰC</p> <p><b>SHComp</b></p> <p>Xu hướng Tích lũy<br/>Kháng cự 3700<br/>Hỗ trợ 3300<br/>Điểm PTKT TRUNG LẬP</p> |

S&P 500 6 tháng gần nhất



Nguồn: Bloomberg, BSC

Shanghai Composite Index 6 tháng gần nhất

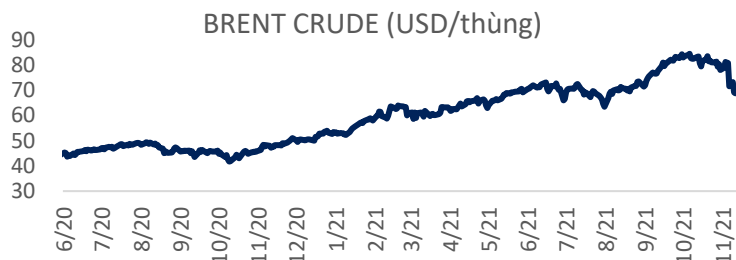


Nguồn: Bloomberg, BSC

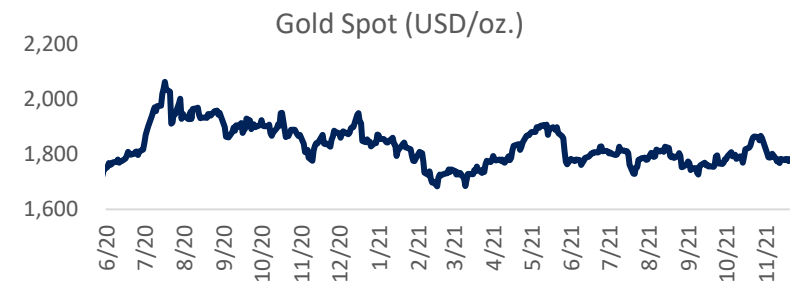
| Mặt hàng     | Đơn vị   | 14/12    | % Sáng 14/12 | 13/12   | % 13/12 | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|--------------|---------|---------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 71.30    | 0.01%        | 71.29   | -0.53%  | -1.04% | -11.34% | GAS, BSR           | PVD, PVT           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. | 74.39    | -1.01%       | 75.15   | 0.98%   | 1.79%  | -9.11%  | PVD, PVT           | GAS, BSR           |
| GASOLINE     | USD/gal. | 212.45   | 0.38%        | 211.65  | -0.97%  | 1.17%  | -6.84%  | PLX, OIL           | HVN, VJC           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,785.85 | -0.05%       | 1786.67 | 0.21%   | 0.10%  | -4.24%  | PNJ                | PNJ                |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 22.31    | -0.13%       | 22.33   | 0.63%   | -0.89% | -11.90% | PNJ                | PNJ                |
| SOYBEAN      | USD/bu.  | 1,250.75 | -1.84%       | 1274.25 | 0.00%   | -1.24% | 1.77%   | DBC, QNS           | HKB                |
| WHEAT        | USD/bu.  | 788.75   | 0.45%        | 785.25  | 0.00%   | -2.17% | -3.22%  |                    | AFX                |
| MILK         | USD/cwt. |          |              | 18.62   | 0.11%   | -0.21% | 3.27%   | VNM, GTN, QNS      | KDC                |
| RUBBER       | JPY/kg.  | 235.00   | -0.76%       | 236.80  | 3.36%   | -0.84% | 4.44%   | SRC, CSM, DRC      | DPR, PHR, HAG, HNG |
| SUGAR        | USD/lb.  |          |              | 19.64   | -0.36%  | 2.51%  | 0.20%   | VNM, GTN, QNS      | SBT, LSS, SLS, QNS |
| COFFEE       | USD/lb.  |          |              | 236.70  | 1.76%   | -5.26% | 14.51%  | CTP, DLG           | VCF, CTP           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |              | 9447.50 | -0.62%  | -0.60% | -1.93%  | CAV, SAM, TGP, VTH | MSN, ACM, BGM      |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 4,417.00 | 1.63%        | 4346.00 | 0.91%   | -0.50% | 7.44%   | HSG, HPG, NKG      | PC1, CTD, HBC      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |              | 2654.00 | 1.82%   | 2.55%  | -0.23%  |                    | CAV, SAM, TGP, VTH |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 669.50   | 2.29%        | 654.50  | 2.83%   | 3.16%  | 21.73%  | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |              | 160.05  | 1.59%   | 14.12% | 15.77%  | HLC, NBC, TNT, THT | HT1, BCC, PPC, POW |

Ghi chú: USd = US Cent

- Giá dầu giảm do lo lắng các ca nhiễm virus corona ngày càng tăng trên thế giới sẽ làm giảm nhu cầu dầu thô khi những nghi ngờ mới xuất hiện về hiệu quả của vaccine chống lại biến thể Omicron.



Nguồn: Bloomberg, BSC



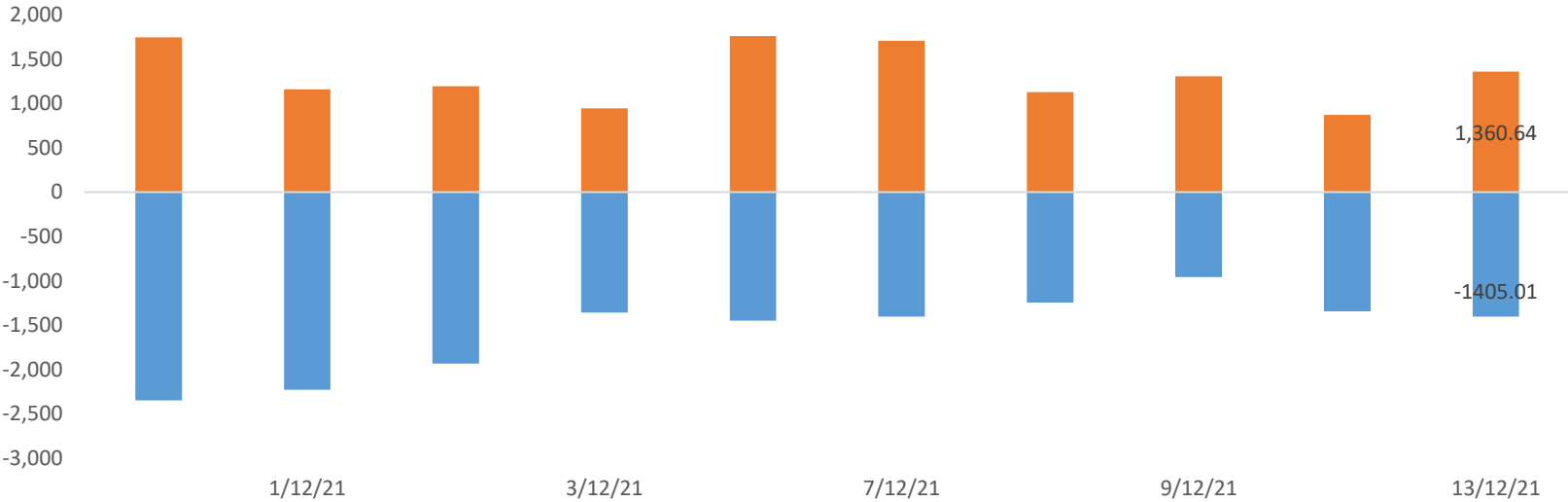
Nguồn: Bloomberg, BSC

# ETF E1, Finlead tăng nhẹ quy mô

| ETF        | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng chỉ<br>quỹ | %<br>Premium | Dòng vốn ròng (triệu USD) |       |       |       | Nhận định                                                                                                                                                                    |
|------------|------------------|-----------------|--------------------|--------------|---------------------------|-------|-------|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                  |                 |                    |              | 1D                        | 1W    | 1M    | 3M    |                                                                                                                                                                              |
| VNM        | 576.2            | 20.8            | -                  | -0.8%        | 0.0                       | -10.4 | -10.4 | -13.1 | ETF E1, Finlead tăng quy mô. ETFs khác có trạng thái cân bằng và giữ nguyên quy mô. Khối ngoại ròng chủ yếu trong khu vực, ngoại trừ tại thị trường Philippines và Thailand. |
| FTSE       | 390.2            | 46.0            | -                  | -1.0%        | 0.0                       | -1.8  | -6.4  | -64.2 |                                                                                                                                                                              |
| iShare     | 504.1            | 0.0             | -                  | 0.0%         | 0.0                       | 0.0   | 3.5   | 3.5   |                                                                                                                                                                              |
| E1VFN30    | 471.3            | 1.1             | 0.3                | 0.4%         | 0.3                       | 2.8   | -19.3 | -9.0  |                                                                                                                                                                              |
| FUEVFN30   | 601.4            | 1.2             | (0.0)              | -2.2%        | 0.0                       | 1.0   | 23.7  | -14.0 |                                                                                                                                                                              |
| FUBON FTSE | 469.0            | 0.6             | -                  | -0.2%        | 0.0                       | 2.5   | -16.8 | -50.7 |                                                                                                                                                                              |
| FUESSVFL   | 143.7            | 0.9             | 0.1                | 0.5%         | 0.1                       | 1.9   | 5.6   | 22.8  |                                                                                                                                                                              |
| FUESSVN30  | 4.7              | 0.8             | (0.0)              | 1.5%         | 0.0                       | 0.1   | -0.3  | 0.1   |                                                                                                                                                                              |
| FUEMAVN30  | 30.3             | 0.8             | 0.0                | -1.2%        | 0.0                       | 0.0   | -3.7  | 2.3   |                                                                                                                                                                              |
| VN100      | 6.0              | 0.9             | 0.0                | -1.5%        | 0.0                       | 0.0   | 0.0   | 0.5   |                                                                                                                                                                              |
| KIM        | 179.4            | 19.3            | -                  | 0.9%         | 0.0                       | 0.0   | -9.8  | -9.6  |                                                                                                                                                                              |
| PREMIA     | 30.6             | 13.2            | -                  | -0.1%        | 0.0                       | 0.3   | 0.5   | 1.1   |                                                                                                                                                                              |

| Khối ngoại<br>(tr. USD) | Ngày    | Lũy kế từ<br>đầu tuần | Lũy kế từ<br>đầu tháng |
|-------------------------|---------|-----------------------|------------------------|
| Việt Nam                | -2.36   | -2.36                 | -86.35                 |
| ASEAN4*                 | 65.06   | 173.48                | -202.75                |
| Ấn Độ                   | -121.95 | 378.95                | -423.41                |
| Đài Loan                | -250.78 | -250.78               | 1112.60                |
| • Giá dầu               | -0.09   | -176.07               | 1526.21                |
| Nhật Bản                |         | (662.24)              | -662.20                |
| Trung Quốc              |         |                       | 10945.83               |

| Ghi chú: * Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia |        |
|-------------------------------------------------------|--------|
| Credit Default Swap                                   | MoM %  |
| Việt Nam                                              | -1.26  |
| Thái Lan                                              | -10.19 |
| Singapores                                            | -1.26  |
| Phillippines                                          | -7.75  |
| Malaysia                                              | -15.54 |



Nguồn: Fiinpro, BSC

# Kiểm tra vùng 1470-1480 điểm

## Tin vĩ mô

- NHNN ban hành các văn bản chỉ đạo, chấn chỉnh, trong đó, quy định rõ trách nhiệm của công ty tài chính, đảm bảo công khai, minh bạch, an toàn. Thời gian tới, NHNN tiếp tục tăng cường quản lý, thanh tra, giám sát hoạt động của các công ty tài chính, nhất là các công ty tài chính tiêu dùng.

- Hiện nay, Việt Nam là đối tác thương mại lớn thứ tư của Hàn Quốc. Với Việt Nam, Hàn Quốc là đối tác thương mại lớn thứ ba, đầu tư nước ngoài lớn nhất với khoảng 9.000 doanh nghiệp Hàn Quốc đang hoạt động kinh doanh ở Việt Nam. Trong 2-3 năm tới, khi tình hình Covid-19 được kiểm soát, ước tính quy mô giao dịch thương mại giữa hai nước sẽ đạt trên 100 triệu USD.

## Thông số kỹ thuật

|          |           |
|----------|-----------|
| Xu hướng | Hồi phục  |
| Chỉ báo  | Trung lập |
| Kháng cự | 1500      |
| Hỗ trợ   | 1440      |



Nguồn: Trading view, BSC

|                                               |                          |              |      |
|-----------------------------------------------|--------------------------|--------------|------|
| <b>AGG</b>                                    | Xu hướng hiện tại        | Kháng cự     | 49.8 |
|                                               | <b>Tăng giá</b>          | Hỗ trợ       | 43   |
|                                               |                          | MACD         | ↑    |
|                                               |                          | RSI          | ↑    |
|                                               | Bsc Khuyến nghị kỹ thuật | Moving Avg   | ↑    |
| <b>47.4</b>                                   | <b>Khả quan</b>          | Giá mục tiêu | 61.2 |
| CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia |                          | Upside       | 30%  |
|                                               |                          |              |      |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |  |  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
| Phân tích chỉ tiêu tăng trưởng                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |  |  |
| Doanh thu 12 tháng gần nhất là 2053.53 tỷ đồng , tăng trưởng 0%. Lợi nhuận sau thuế 12 tháng gần nhất là 451.21 tỷ đồng, tăng trưởng 0%. Tăng trưởng doanh thu 3 năm đạt 4.03%. Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm đạt -112.4%.                                                                                                   |  |  |  |
| Phân tích chỉ tiêu lợi nhuận                                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |  |  |
| Chỉ tiêu ROA (lợi nhuận trên tổng tài sản) hiện tại là 5.69%. ROA trung bình 3 năm của công ty là 11.68% .Chỉ tiêu ROE (lợi nhuận trên vốn chủ) hiện tại là 24.19%. ROE trung bình 3 năm của công ty là 48.23% .Chỉ tiêu biên lợi nhuận gộp hiện tại là 18.32%. Biên lợi nhuận gộp trung bình 3 năm của công ty là 36.16%. |  |  |  |

|                                          |                          |              |      |
|------------------------------------------|--------------------------|--------------|------|
| <b>TDC</b>                               | Xu hướng hiện tại        | Kháng cự     | 34.7 |
|                                          | <b>Tăng giá</b>          | Hỗ trợ       | 24   |
|                                          |                          | MACD         | ↑    |
|                                          |                          | RSI          | ↑    |
|                                          | Bsc Khuyến nghị kỹ thuật | Moving Avg   | ↑    |
| <b>26.9</b>                              | <b>Khả quan</b>          | Giá mục tiêu | 34.7 |
| CTCP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương |                          | Upside       | 33%  |
|                                          |                          |              |      |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |  |  |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|
| Phân tích chỉ tiêu tăng                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |  |  |
| Doanh thu 12 tháng gần nhất là 1582.11 tỷ đồng , tăng trưởng -0.64%. Lợi nhuận sau thuế 12 tháng gần nhất là 194.62 tỷ đồng, tăng trưởng 9.61%. Tăng trưởng doanh thu 3 năm đạt 3.6%. Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm đạt 6.97%.                                                                                              |  |  |  |
| Phân tích chỉ tiêu lợi nhuận                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |  |  |
| Chỉ tiêu ROA (lợi nhuận trên tổng tài sản) hiện tại là 3.3%. ROA trung bình 3 năm của công ty là 2.02% .Chỉ tiêu ROE (lợi nhuận trên vốn chủ) hiện tại là 15.28%. ROE trung bình 3 năm của công ty là 1123 % .Chỉ tiêu biên lợi nhuận gộp hiện tại là 39.71%. Biên lợi nhuận gộp trung bình 3 năm của công ty là 31.49% . |  |  |  |

- VCB: Ngày 9/12, HĐQT đã có nghị quyết thông qua việc trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12% và năm 2019 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 27,6%. Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 23/12/2021 và thanh toán cổ tức bắt đầu từ 05/1/2022.
- NAV: Ngày 17/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020 và tạm ứng đợt 1 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 20/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ tổng cộng 17%, thanh toán bắt đầu từ ngày 30/12/2021.
- BAF: Đã thông qua việc nhận chuyển nhượng 14,85 triệu cổ phần, tương ứng 99% vốn điều lệ tại CTCP Thức ăn chăn nuôi RICO Tây Ninh, với giá 10.000 đồng/cổ phần.
- SCR: Đã thông qua việc nhận chuyển nhượng 14 triệu cổ phần, tương đương 20%/vốn điều lệ tại CTCP Thương mại và Xây dựng Phước Tân, với giá trị tối đa 330 tỷ đồng.
- VJC: Quý 3/2021 ghi nhận doanh thu vận tải hàng không đạt hơn 1.365 tỷ đồng, nỗ lực đạt hòa vốn. Lũy kế 9 tháng đầu năm doanh thu đạt hơn 6.384 tỷ đồng, lợi nhuận 9 tháng đầu năm đạt hơn 44,5 tỷ đồng. Về kết quả tài chính hợp nhất, Vietjet ghi nhận doanh thu quý 3/2021 đạt 2.654 tỷ đồng, lũy kế 9 tháng là 10.210 tỷ đồng.
- HHS: Công ty sẽ phát hành gần 33 triệu cổ phiếu phổ thông trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông, tỷ lệ 25:3 (cổ đông sở hữu 25 cổ phiếu được nhận 3 cổ phiếu mới). Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là gần 330 tỷ đồng. Đồng thời, HHS cũng sẽ phát hành 13,7 triệu cổ phiếu thưởng nhằm tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo tỷ lệ 20:1 (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới).
- VHC: Đã thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 22/12/2021 và thanh toán bắt đầu từ ngày 31/12/2021.
- HHS: Đã thông qua việc trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 25:3 và cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 20:1.
- AGM: Đã thông qua việc góp vốn thành lập Công ty TNHH Thương mại Louis – Angimex. Theo đó, Công ty mới có vốn điều lệ 20 tỷ đồng và AMG góp 49% và CTCP Xuất nhập khẩu Louis Rice góp 51%.
- VSM: Ngày 23/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 24/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 10/1/2022.

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*



# Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

• Giá dầu giảm mạnh do dự trữ dầu thô tại Mỹ

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)

(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)

(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)

(+84)2437173639



### DANH MỤC BÁO CÁO BSC

*(Quý khách vui lòng quét mã QR để đọc thêm)*



### CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

*(Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app zalo để tham gia)*